TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/DS – ST
Ngày: 12-8-2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Miêng

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975

Nơi cư trú: 108/1 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là ông Lê Văn M, sinh năm 1954 nơi cư trú số 129/2 ấp ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Ông Lê Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*: Ông Đỗ Hoàng T, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 16/1 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Trần Thị D, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 16/1 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Mực trình bày:*

Vào ngày 01/3/2018 bà Nguyễn Thị Đ có cho ông Đỗ Hoàng T mượn số tiền 250.000.0000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và 10 chỉ vàng 24K, khi cho mượn tiền ông T có làm biên nhận nợ và hứa một đến hai tháng khi thu hoạch tôm sẽ trả lại tiền. Số tiền, vàng ông T mượn của bà Đượm về để nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình. Khi ông T mượn tiền, vàng của bà Đượm vợ của ông T là bà Lê Trần Thị D biết việc vay mượn này. Bà Nguyễn Thị Đ đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà D trả số tiền 250.000.000 đồng và 10 chỉ vàng nhưng ông T, bà D cứ hẹn lần lượt mà không trả.

Đến năm 2018 bà Đượm khởi kiện ông T và bà D, sau khi Tòa án thụ lý vụ án ông T, bà D có trả cho bà Đượm số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và hứa mỗi tháng sẽ trả dần số tiền còn lại nên bà Đượm rút đơn khởi kiện. Nhưng sau đó ông T, bà D không thực hiện việc trả nợ như đã hứa, số tiền ông T, bà D còn nợ là 180.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K nên bà Đượm tiếp tục khởi kiện.

Ông Đỗ Hoàng T và bà Lê Trần Thị D biết bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu trả tiền, vàng vay; vì khi bà Đượm khởi kiện ông T bà D có mặt tại địa phương nhưng cố tình không trả nợ và không đến Tòa án giải quyết.

Nay bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Hoàng T và bà Lê Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999; bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông Đỗ Hoàng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn ông Đỗ Hoàng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Trần Thị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ, nhiều lần vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc buộc ông Đỗ Hoàng T và bà Lê Trần Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 180.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K, ghi nhận bà Đượm không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; bị đơn ông ông Đỗ Hoàng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Trần Thị D có nơi cư trú tại ấp Giao Tân, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Đỗ Hoàng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án xét xử vắng mặt ông Mực, ông T và bà D là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Khi khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có cung cấp cho Tòa án 01 giấy đề ngày 01/3/2018 có nội dung ông Đỗ Hoàng T thừa nhận còn thiếu bà Đượm số tiền 250.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ông T, bà D đã trả được số tiền 70.000.000 đồng vào năm 2018 hiện còn thiếu 180.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Đỗ Hoàng T, bà Lê Trần Thị D các văn bản tố tụng, nhưng ông T bà D không có văn bản nêu ý kiến, không đưa chứng cứ để chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc thỏa thuận vay tiền, vàng của bà Nguyễn Thị Đ với ông Đỗ Hoàng T, bà Lê Trần Thị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp. Do ông T, bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông T, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999 là có căn cứ nên được chấp nhận. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay.

[4] Xét việc ông Đỗ Hoàng T, bà Lê Trần Thị D vay tiền của bà Nguyễn Thị Đ nhằm để phục vụ cho việc phát triển kinh tế gia đình. Quá trình tố tụng Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Lê Trần Thị D vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo trích lục kết hôn số 133/TLKH- BS ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã Giao Thạnh ông Đỗ Hoàng T và bà Lê Trần Thị D vẫn còn tồn tại hôn nhân, giao dịch vay tiền giữa ông Đỗ Hoàng T với bà Lê Trần Thị D được xác lập trong thời kỳ hôn nhân,

nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng khi một bên tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do ông T, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông T và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999 là đúng quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Qua tham khảo thị trường giá vàng 24K tại thời điểm xét xử là 4.300.000 đồng/chỉ (Bốn triệu ba trăm ngàn đồng)/ chỉ. Do khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ được chấp nhận, nên ông Đỗ Hoàng T và bà Lê Trần Thị D phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch là 11.150.000 đồng (Mười một triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ông Đỗ Hoàng T và bà Lê Trần Thị D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 27, 228 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Đỗ Hoàng T và bà Lê Trần Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 9999. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu tính lãi.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Đỗ Hoàng T và bà Lê Trần Thị D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.575.000 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Đ theo biên lai thu số 0009301 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi

của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương